TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2026/DS-ST
Ngày: 31-7-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chính;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7-Tây Ninh.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Tây Ninh, Toà án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2026/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt Ngân hàng TMCP S)

Địa chỉ: 2, N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn D, chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác Ngân hàng S1. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T.

Người đại diện diện theo ủy quyền lại của ông T: Ông Dương Đức T1.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông T1: Ông Trần Văn B (văn bản ủy quyền ngày 13/7/2026) (vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1993, số CCCD: 080193016174, cư trú: Ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là ông Trần Văn B trình bày:

Ngân hàng TMCP S (trước đây là Ngân hàng Thương mại cổ phần S1) và ông Trần Văn B có thỏa thuận xác lập hợp đồng tín dụng, cụ thể: Ngân hàng đã phát hành cho bà Nguyễn Thị V 01 thẻ tín dụng số 970403-6196, ngày mở thẻ 08/9/2023, hạn mức 40.000.000 đồng, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ, bà V đã sử dụng thẻ để thanh toán. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.837.454 đồng. Bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phát sinh nợ quá hạn, kể từ ngày 23/5/2024.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà V trả số tiền nợ gốc thẻ tín dụng, nợ lãi tạm tính đến ngày 24/11/2025 là 74.856.835 đồng và trả lãi theo đúng thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi bà V thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà V trả số tiền nợ gốc thẻ tín dụng, nợ lãi tạm tính đến ngày 31/7/2026 là 89.318.008 đồng, trong đó nợ gốc là 41.993.416 đồng, tiền lãi là 47.324.59 đồng và trả lãi theo đúng thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi bà V thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình liên quan đến giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng, và nơi cư trú bị đơn ở xã C, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7-Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

[1.2] Bà Nguyễn Thị V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Hiệu lực của Hợp đồng: Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã phát hành cho bà V 01 thẻ tín dụng số 970403-6196, ngày mở thẻ 08/9/2023, hạn mức 40.000.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng được xác lập giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; chủ thể hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 970403-6196 phát sinh hiệu lực giữa các bên.

[2.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà V vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 4 Điều 91 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình và phải chịu hậu quả của việc vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.3] Sau khi được cấp thẻ, bà V đã sử dụng thẻ để thanh toán. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.837.454 đồng. Bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phát sinh nợ quá hạn, kể từ ngày 23/5/2024 nên Hội đồng xét xử buộc bà V có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc thẻ tín dụng trong đó nợ gốc là 41.993.416 đồng.

[2.4] Về tiền lãi: Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà V trả tiền lãi tính đến ngày 31/7/2026 tiền lãi là 47.324.592 đồng và trả lãi theo đúng thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi bà V thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Việc thanh toán gốc và lãi là nghĩa vụ của bà V theo nội dung của Hợp đồng tín dụng, nợ của bà V chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/5/2024 theo sự thừa nhận các bên.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 8 và 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất, buộc bà V trả lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 31/7/2026 là 47.324.592 đồng

Kể từ ngày 01/8/2026, cho đến khi bà V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì bà V còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng-thẻ tín dụng số 970403-6196, ngày mở thẻ 08/9/2023 nhưng phải phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà V chịu án phí 4.465.900 đồng. Trả lại Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 1.871.421 đồng theo biên lai thu số 0008676 ngày 23/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91, các Điều 227; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 7, 8 và 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị V.

Buộc bà Nguyễn Thị V trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 89.318.008 đồng, trong đó nợ gốc là 41.993.416 đồng, tiền lãi tính đền ngày 31/7/2026 là 47.324.592 đồng

Kể từ ngày 01/8/2026, cho đến khi bà V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì bà V còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng theo thẻ tín dụng số 970403-6196, ngày mở thẻ 08/9/2023 nhưng phải phù hợp quy định pháp luật.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị V chịu án phí 4.465.900 đồng.

Trả lại Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 1.871.421 đồng theo biên lai thu số 0008676 ngày 23/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND khu vực 7, tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu./.

Nguyễn Thị Thanh Vân